

Số: 86/CN&MTĐT

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 02 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh giá nước sạch và giá dịch vụ thu gom,
vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt

Kính gửi: CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ NHÂN DÂN LÀ KHÁCH HÀNG CỦA CÔNG TY

Căn cứ Quyết định số: 77/2016/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, quy định giá tiêu thụ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số: 76/2016/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp thông báo việc điều chỉnh giá nước sạch và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt như sau:

I. Giá nước sạch:

STT	Đối tượng sử dụng	Đơn vị tính	Mức giá
01	Hộ nghèo	đồng/m ³	5.000
02	Sử dụng vào mục đích sinh hoạt	đồng/m ³	9.000
03	Sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh và dịch vụ	đồng/m ³	11.000

Giá nước sạch nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt. Giá điều chỉnh do có sự thay đổi về mức đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và mức chi trả dịch vụ môi trường rừng của Chính phủ.

*** Ghi chú:** Hộ nghèo là đối tượng có số hộ nghèo và sử dụng không quá 08m³/hộ/tháng; trường hợp từ mét khối (m³) thứ 09 trở lên, áp dụng thu theo đơn giá 9.000 đồng/m³.

II. Giá dịch vụ thu gom rác thải:

1. Đối với các địa bàn có rác thải sinh hoạt được Công ty vận chuyển về nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại bãi rác Đập Đá, huyện Cao Lãnh, bao gồm: thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh, huyện Tháp Mười và một phần của các huyện: Thanh Bình, Tam Nông, giá thu theo biểu dưới đây:

STT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Chi phí thu gom, vận chuyển	Chi phí xử lý rác	Giá dịch vụ
1	Hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh	đồng/hộ/tháng	24.000	6.000	30.000
2	Hộ kinh doanh (ăn uống, tạp hóa, văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, tiệm vàng bạc, đồ điện, vật liệu xây dựng, tiệm thuốc, điện thoại, sửa chữa hoặc rửa xe ô tô, xe máy và các mặt hàng khác)				
2.1	Lượng rác thải ít hơn 01m ³ /tháng	đồng/hộ/tháng	24.000	6.000	30.000
2.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01m ³ /tháng	đồng/m ³ rác	190.000	90.000	280.000

STT	Đối tượng sử dụng	Đơn vị tính	Chi phí thu gom, vận chuyển	Chi phí xử lý rác	Giá dịch vụ
3	Cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, nhà trẻ, trường học.				
3.1	Lượng rác thải ít hơn 01m ³ /tháng	đồng/đơn vị/tháng	120.000	90.000	210.000
3.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01m ³ /tháng	đồng/m ³ rác	120.000	90.000	210.000
4	Nhà máy, xí nghiệp, cửa hàng, cơ sở sản xuất - chế biến - kinh doanh - dịch vụ, kho chứa hàng, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; nhà hàng, nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn; chợ, siêu thị, bến xe, bến phà; căn tin, ký túc xá sinh viên; khu du lịch, công trình xây dựng; bệnh viện, cơ sở y tế.	đồng/m ³ rác	190.000	90.000	280.000
5	Buôn bán ăn uống vỉa hè (kể cả thường xuyên hay không thường xuyên)	đồng/ngày			2.000

2. Đối với các địa bàn còn lại, bao gồm: thành phố Sa Đéc, huyện Châu Thành, huyện Lai Vung, huyện Lấp Vò, thị xã Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng và một phần còn lại của các huyện Thanh Bình, Tam Nông, giá thu theo biểu dưới đây:

STT	Đối tượng sử dụng	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh	đồng/hộ/tháng	24.000
2	Hộ kinh doanh (ăn uống, tạp hóa, văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, tiệm vàng bạc, đồ điện, vật liệu xây dựng, tiệm thuốc, điện thoại, sửa chữa hoặc rửa xe ô tô, xe máy và các mặt hàng khác)		
2.1	Lượng rác thải ít hơn 01m ³ /tháng	đồng/hộ/tháng	24.000
2.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01m ³ /tháng	đồng/m ³ rác	190.000
3	Cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, nhà trẻ, trường học.		
3.1	Lượng rác thải ít hơn 01m ³ /tháng	đồng/đơn vị/tháng	120.000
3.2	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01m ³ /tháng	đồng/m ³ rác	120.000
4	Nhà máy, xí nghiệp, cửa hàng, cơ sở sản xuất - chế biến - kinh doanh - dịch vụ, kho chứa hàng, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; nhà hàng, nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn; chợ, siêu thị, bến xe, bến phà; căn tin, ký túc xá sinh viên; khu du lịch, công trình xây dựng; bệnh viện, cơ sở y tế.	đồng/m ³ rác	190.000
5	Buôn bán ăn uống vỉa hè (kể cả thường xuyên hay không thường xuyên)	đồng/ngày	2.000

Giá dịch vụ rác thải sinh hoạt nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ thu mức giá cao nhất.

Nay Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp xin thông báo đến quý khách hàng biết và Công ty sẽ **áp dụng hóa đơn thu tiền nước và rác thải sinh hoạt từ kỳ 3 năm 2017.**

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, thị, TP;
- Đài PTTH, báo Đồng Tháp (nhờ thông báo);
- Đài TT các huyện, thị, TP (nhờ thông báo);
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu: VT.

